TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2017
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Ngọc Thành**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Huỳnh Thị Châu**

2. Bà Huỳnh Ngọc Hoa

***- Thư ký phiên tòa*: Ông Phạm Việt Dũng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất*: Bà Trần Thủy Hải** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử công khai vụ án thụ lý số: 304/2016/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2016; Về việc: *"Xin ly hôn"*; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐST – HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 26/2017/QĐST – HNGĐ ngày 25/5/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Trần Thị Thảo L** **sinh năm: 1992**

Địa chỉ cư trú: Số 97/2, ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Đức H** **sinh năm: 1981**

Địa chỉ cư trú: Số 272/7, ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2016, bản tự khai ngày 25/11/2016 và các biên bản lấy lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị Thảo L trình bày:

Chị L và anh H quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng 01 (một) năm thì hai bên tự nguyện kết hôn và được UBND xã B, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/2/2014.

Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 (hai) tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Anh H không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình mà thường hay bỏ nhà tụ tập bạn bè ăn chơi, không quan tâm đến chị L.

Vợ chồng tính tình không hợp thường hay lời qua tiếng lại, cãi nhau và xúc phạm danh dự của nhau.

Từ tháng 6/2014, nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, chị L dọn về nhà mẹ ruột mình sống tại số 97/2, ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Năm 2015, chị L hai lần nộp đơn xin ly hôn với anh H lên Tòa án Nhân dân huyện Thống Nhất, nhưng cả hai lần chị đều tự nguyện rút đơn về để cho anh H thêm cơ hội sửa chữa lỗi lầm, vợ chồng đoàn tụ xây dựng lại hạnh phúc gia đình. Nhưng đến nay vẫn không có kết quả, mặc dù sự việc đã được gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng không thành.

Từ đó đến nay, vợ chồng không liên lạc gì với nhau, không quan tâm chăm sóc cho nhau, không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay chị L xác định hết tình cảm với anh H và không còn biện pháp hàn gắn tình cảm nên yêu cầu xin ly hôn với anh H.

Về nuôi con chung: chị L và anh H không có con chung.

***Về chia tài sản*:** Khi ly hôn, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn anh Nguyễn Đức H:***

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đức H đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; được triệu tập hợp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh H không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Ý kiến của Viện kiểm sát:***

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía bị đơn Tòa án đã tống đạt hợp lệ anh H đến Tòa án nhiều lần, tuy nhiên anh H không chấp hành mà vắng mặt. Do đó, nên xét xử vắng mặt anh H.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Thảo L cho chị L và anh H ly hôn. Về con chung: Chị L và anh H không có con chung nên không giải quyết. Tài sản không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa . Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về tố tụng; Bị đơn anh Nguyễn Đức H có nơi cư trú: Số 272/7, ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 TAND huyện Thống Nhất có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Anh Nguyễn Đức H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần 02 (hai) không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân;

Yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thảo L và anh Nguyễn Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn theo luật định và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/02/2014 (BL 02) nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau và xúc phạm danh dự của nhau. Nguyên nhân là do anh H không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, thường tụ tập bạn bè ăn chơi. Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, chị L về nhà mẹ mình sống từ tháng 6/2014 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương, xác minh về tình trạng hôn nhân, nơi cư trú của anh Nguyễn Đức H. Cụ thể, tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị A là cô ruột sống cùng địa chỉ với anh H (BL 30) cho biết "anh H không có công việc ổn định, ham chơi. Từ đầu năm 2015 thì vợ chồng không còn sống chung, chị L về nhà mẹ mình ở". Bên cạnh đó, cô Nguyễn Thị Y cũng là cô ruột của anh H (BL 31) cho biết "vợ chồng không được hòa thuận, vợ chồng cãi nhau do vấn đề tiền bạc". Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 24/02/2017 ông Nguyễn Văn K (BL 32) cung cấp thông tin "vợ chồng chung sống nhưng khoảng 1/2016 trở lại đây thì anh H và chị L không còn chung sống với nhau, còn lý do gây nên mâu thuẫn gia đình thì địa phương không biết". Tại các biên bản lấy lời khai, biên bản xác minh trên đều xác nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao, anh H đều biết và nhận được, tuy nhiên việc anh không phối hợp lên Tòa án làm việc thì không ai biết. Hai lần Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh H vắng mặt không có lý do, điều này cho thấy anh H không mong muốn hòa giải để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu xin ly hôn với anh H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, việc chị L yêu cầu ly hôn là có căn cứ nên chấp nhận, cho chị L được ly hôn với anh H.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh H không có con chung (BL 01, 26). Nên không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Chị Trần Thị Thảo L không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét, giải quyết (BL 01, 26).

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội, chị Trần Thị Thảo L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014;

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội và Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày

13/6/2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thảo L và anh Nguyễn Đức H.

2. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Thảo L và anh Nguyễn Đức H không có con chung.

3. Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thảo L phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 005834 ngày 31/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Trần Thị Thảo L đã nộp đủ án phí.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận **:**
- VKSND.H TN ;
- Chi cục THADS.H TN;
- Các Đ/s;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa

Phan Ngọc Thành